

ĐẢM BẢO SINH KẾ BỀN VỮNG CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT

Đảm bảo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ luôn là vấn đề được Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền quan tâm. Trong những năm qua, nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước được ban hành nhằm đảm bảo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, dưới tác động của biến đổi khí hậu, sinh kế của người dân Tây Nam Bộ nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ nói riêng đang bị đe dọa, đối mặt với nhiều thách thức, rủi ro. Tác giả xem xét tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động sinh kế ở Tây Nam Bộ, qua đó đề xuất các giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho dân tộc thiểu số của Vùng trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Sinh kế bền vững, dân tộc thiểu số, biến đổi khí hậu, Tây Nam Bộ

ENSURING SUSTAINABLE LIVELIHOODS FOR ETHNIC MINORITIES IN THE SOUTHWEST TO DEAL WITH CLIMATE CHANGE

Nguyen Thi Bach Tuyet

Ensuring livelihoods for ethnic minorities in the Southwest has always been a matter of concern of the Party, State and authorities at all levels. In recent years, many major undertakings and policies of the Party and State have been issued to ensure the livelihoods of ethnic minorities in the Southwest region. However, under the impact of climate change, the livelihoods of ethnic minorities in the Southwest are threatened by multiple challenges and risks. This article examines the impacts of climate change on livelihood activities in the Southwest region, thereby proposing solutions to ensure sustainable livelihoods for ethnic minorities in the region in the context of climate change.

Keywords: Sustainable livelihoods, ethnic minorities, climate change, Southwest region

Ngày nhận bài: 14/7/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 29/7/2022

Ngày duyệt đăng: 9/8/2022

Đặt vấn đề

Đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm tạo ra tiến bộ trong suy nghĩ về phương cách sản xuất, tạo việc làm và nâng cao mức sống của những người dân có thu nhập thấp, tạo ra điều kiện để tăng khả năng sản xuất và các hoạt động cần thiết

nhằm duy trì và nâng cao năng lực tạo tài sản của mỗi gia đình không chỉ trước mắt mà còn cả về lâu dài.

Trong nhiều năm qua, ngoài Chương trình 135, các địa phương ở miền Tây Nam Bộ đã dành nhiều nguồn lực đầu tư cho nông thôn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới. Các công trình điện, đường, trường, trạm được đầu tư xây dựng. Việc hướng dẫn người dân áp dụng quy trình sản xuất mới nhằm tiết kiệm nước, giảm chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm được chú trọng. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được nâng cao, đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào đã ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ còn nhiều khó khăn bởi phần lớn số dân sinh sống ở vùng sâu, phân tán, phương thức sản xuất, tập quán canh tác còn mang nặng tính tự cấp, tự túc, dựa nhiều vào tự nhiên. Vấn đề đặt ra hiện nay là phải làm thế nào huy động, sử dụng, phát triển các nguồn lực vào việc đảm bảo cho sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu trên cơ sở vừa tôn trọng các quy luật thị trường vừa đề cao vai trò của Nhà nước định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển.

Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động sinh kế ở Tây Nam Bộ

Sinh kế của cư dân ở Tây Nam Bộ vốn chủ yếu dựa vào nông nghiệp và nuôi trồng, khai thác thủy sản, tuy nhiên, theo đánh giá của các nhà khoa học



đây là những lĩnh vực bị tác động mạnh mẽ nhất của biến đổi khí hậu.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn từ cuối năm 2015 đến tháng 02/2021, các tỉnh vùng Tây Nam Bộ đã hứng chịu các đợt hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng. Đợt hạn hán, xâm nhập mặn niên vụ năm 2015-2016, tính đến tháng 6/2016, có 13/13 địa phương trong vùng đã ban hành quyết định công bố bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn. Hạn hán, xâm nhập mặn đã làm cho khoảng 139.000 ha lúa của vùng bị thiệt hại; hơn 50% diện tích bị mất trắng, trong đó các tỉnh có diện tích lúa bị thiệt hại nhiều nhất là Cà Mau, Kiên Giang, Bến Tre, Bạc Liêu... Ước tính tổng thiệt hại của toàn vùng trong đợt hạn hán, xâm nhập mặn 2015-2016 khoảng 7.520 tỷ đồng.

Hạn hán, xâm nhập mặn niên vụ 2019-2020 còn khốc liệt hơn, có những địa phương đã bị xâm nhập mặn vào sâu tới 70km - 90km như ở các tỉnh Bến Tre, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Trà Vinh, Hậu Giang... Theo thống kê, hạn hán, xâm nhập mặn niên vụ 2019-2020 đã làm khoảng 100.000 ha lúa, 130.000 ha cây ăn trái trong vùng bị ảnh hưởng. Ngoài ra, có khoảng 100.000 hộ dân bị thiếu nước sinh hoạt, ước tính thiệt hại về kinh tế sẽ còn vượt qua đợt hạn hán, xâm nhập mặn 2015-2016 ước tính khoảng gần 8.000 tỷ đồng. Sản lượng lúa của vùng Tây Nam Bộ giảm mạnh qua các năm, đe dọa an ninh lương thực quốc gia. Trong niên vụ 2020-2021, xâm nhập mặn mùa khô năm 2020-2021 đã ảnh hưởng đến sản xuất lúa vụ Đông Xuân chủ yếu ở các tỉnh ven biển. Tổng diện tích gieo cấy lúa Đông Xuân 2020-2021 bị ảnh hưởng chiếm khoảng 5,3% - 6,1% của vùng Liêu (Quý Trọng & Tuấn Anh, 2021).

Cùng với việc sụt giảm về sản lượng, thì diện tích trồng lúa cũng đang ngày càng bị thu hẹp do các hiện tượng thời tiết cực đoan như nước biển dâng, hạn hán, bão lũ... Mực nước biển dâng cao như dự báo vào năm 2030 sẽ khiến khoảng 45% đất của vùng này có nguy cơ nhiễm mặn cục bộ và thiệt hại mùa màng do lũ lụt. Năng suất lúa dự báo sẽ giảm 9% nếu mực nước biển dâng cao 1m, phần lớn đồng bằng này sẽ hoàn toàn ngập trắng nhiều thời gian dài trong năm.

Điều tra của Viện Nghiên cứu sông Cửu Long năm 2020 cho thấy, xâm nhập mặn gây giảm năng suất 41,5%; tiếp đến là hạn hán làm giảm 35,8%; thời tiết cực đoan làm giảm 27,9% và các hiện tượng khác làm giảm 28,3%. Cây ăn quả bị giảm năng suất nhiều nhất (giảm 49,6%), thủy sản giảm 43,9%, lúa giảm 24,9% và cây trồng khác giảm 30%. Trung bình, biến đổi khí hậu gây giảm năng suất cây trồng vật nuôi

khoảng 35,2%. Những biến đổi này sẽ tác động tới phát triển con người ở Tây Nam Bộ. Trong năm 2021, hạn mặn làm ảnh hưởng khoảng 14% - 23% diện tích cây ăn quả toàn vùng, có khoảng 70.600 hộ bị ảnh hưởng thiếu nước sinh hoạt, tập trung ở các tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau, Long An, Kiên Giang và Bạc Liêu (Quý Trọng & Tuấn Anh, 2021).

Mặc dù mức đói nghèo đã và đang giảm nhưng bất bình đẳng đang có chiều hướng gia tăng, một phần là do nhiều người không có đất (UNDP, 2007-2008), vì vậy, việc mất đi một phần rất lớn quỹ đất trồng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, cùng quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa sẽ đặt Tây Nam Bộ trước thách thức nghiêm trọng.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, kinh tế thủy sản chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, đan xen giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài. Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng dân cư sống ở các vùng nông thôn ven biển và hải đảo. Khảo sát cho thấy, ở Việt Nam có tới 58% dân cư vùng ven biển có sinh kế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và đánh bắt thủy sản, khoảng 480.000 người trực tiếp làm nghề đánh bắt hải sản, 10.000 người chế biến hải sản và 2.140.000 người cung cấp các dịch vụ liên quan đến nghề cá. Đối với vùng Tây Nam Bộ, ngoài nông nghiệp thì nuôi trồng thủy sản cũng được xem là ngành chủ lực, đóng góp nhiều cho sự phát triển kinh tế, tuy nhiên, biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của Vùng.

Giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Nhằm đảm bảo sinh kế bền vững cho dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời gian tới cần tập trung vào một số vấn đề cụ thể như:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế chính sách cải thiện nguồn lực sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số: Đa dạng hóa các chính sách liên quan đến tất cả các nguồn lực sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số như xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo tay nghề, cung cấp thuận tiện dịch vụ y tế, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ tín dụng ưu đãi, hỗ trợ cung cấp giống mới, cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường, hỗ trợ xây dựng nhà ở, đất ở, đất sản xuất. Các chính sách này phải tập trung vào mục tiêu cải thiện nguồn lực sinh kế nhằm nâng cao năng lực hoạt động sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số, buộc họ phải nỗ lực vươn lên, giảm thiểu các chính sách cho không, khắc phục tư

tương ý lại trông chờ sự hỗ trợ, trợ giúp từ bên ngoài.

Bên cạnh đó, tích cực tìm kiếm các nguồn tài trợ ngoài ngân sách nhà nước cho cải thiện nguồn lực sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số, chú trọng các nguồn vốn xã hội hóa từ doanh nghiệp, tài trợ từ nước ngoài. Phát huy mạnh hơn nữa phong trào kết nghĩa của các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn nhằm hỗ trợ nguồn lực tài chính, kinh nghiệm, kỹ thuật và thông tin cho các hộ dân tộc thiểu số.

Hoạch định chính sách theo hướng ưu tiên vào khuyến khích đồng bào tích cực tìm kiếm mô hình sinh kế hiệu quả, có thu nhập cao để nâng cao mức độ tự tin của hộ dân tộc thiểu số, khuyến khích họ làm giàu, do đó chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế phải tách bạch rõ ràng với chính sách giảm nghèo. Các chính sách hỗ trợ người nghèo cũng nên thiết kế theo hướng hỗ trợ người gặp khó khăn, bất khả kháng hoặc thiếu hụt nguồn lực tạm thời, không hỗ trợ theo hướng cho không để giảm tâm lý ỷ lại, ảnh hưởng tiêu cực đến ý chí vươn lên thoát nghèo của hộ khác.

Thứ hai, chuyển đổi mô hình hoạt động sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu: Theo các nhà khoa học, lĩnh vực chịu tác động mạnh mẽ nhất chính là sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, trong khi đó sinh kế chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nam Bộ chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và làm thuê. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số đòi hỏi các cấp chính quyền, các nhà khoa học và các hộ gia đình cần chủ động lựa chọn mô hình sinh kế và chuyển đổi sang mô hình sinh kế dựa trên các tiến bộ của khoa học công nghệ và theo từng tiểu vùng kinh tế khác nhau thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ những rủi ro do thiên tai gây ra. Một số mô hình đa dạng hoá sinh kế có hiệu quả cao như: Mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch như trồng dược liệu và tham quan vườn; trồng hoa, cây cảnh và tham quan vườn; nuôi cá bè - du lịch - lặn bình; cây ăn trái-du lịch đang được áp dụng rộng rãi...

Thứ ba, cải thiện từng nguồn lực sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số thích ứng biến đổi khí hậu: Để đảm bảo kinh tế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số cần nỗ lực nâng cao chất lượng nguồn lực con người. Theo đó, cần lấy mục tiêu chuyển đổi sinh kế bền vững của đồng bào làm hạt nhân cho kế hoạch đào tạo. Ưu tiên hơn nữa nguồn tài chính từ ngân sách địa phương và kêu gọi tài trợ để đầu tư xây dựng trường, lớp, làm tốt công tác phổ cập giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, tri thức về khoa học kỹ thuật nông nghiệp song song với bảo tồn các giá trị văn

hóa tạo ưu thế trong phát triển các mô hình sinh kế đặc thù của dân tộc thiểu số.

Đặc biệt là tăng số lượng và đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, đặc biệt là đội ngũ cán bộ ấp, xã; Chuẩn hóa các kỹ năng nghề chuyên môn cho từng loại cán bộ và nhất quán quan điểm sử dụng cán bộ chuyên môn lâu dài, nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi trong bộ máy quản lý liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh nguồn lực về con người, cần cải thiện nguồn lực tự nhiên cho đồng bào dân tộc thiểu số nơi cư trú. Theo đó, cần hỗ trợ đủ diện tích đất canh tác cho đồng bào dân tộc thiểu số để họ tiến hành sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở quy mô hiệu quả, đủ sức duy trì sức cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo thu nhập đáp ứng mức sống trung bình; Khuyến khích đồng bào mạnh dạn cải tạo, chuyển đổi mô hình sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu; Tuyên truyền đồng bào tham gia bảo vệ môi trường, trồng rừng phòng hộ ngăn chặn xói lở đất do hiện tượng bão lụt, nước biển dâng nhằm bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp.

Có thể thấy rằng, biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng trong những năm gần đây và tác động đến sinh kế của cư dân ở vùng Tây Nam Bộ, sinh kế chủ yếu của cư dân nơi đây chủ yếu là hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Đây là loại sinh kế thường gắn với đất và nước nên gặp khó khăn khi thời tiết trở nên khắc nghiệt. Để thích ứng với biến đổi khí hậu đòi hỏi đồng bào dân tộc thiểu số mạnh dạn chuyển đổi sinh kế theo hướng tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất, làm chủ về giống cây, con đáp ứng cho sản xuất nông nghiệp của vùng để thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tài liệu tham khảo:

1. Hà Huy Ngọc (2020), *Kiến tạo chính sách nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Thế giới;
2. Phan Thuận (2021), "*Hoạt động sinh kế thích ứng với tình trạng hạn mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long*", *Tạp chí Lý luận Chính trị*;
3. *Tổng cục thống kê* (2020), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội;
4. Quý Trọng, Tuấn Anh (2021), "*Thích ứng nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long*", trên trang: <https://tuyengiao.vn>. Cập nhật 7/12/2021;
5. Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2017), *Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam*, NXB Thanh niên, Hà Nội;
6. UNDP (2007,2008), *Báo cáo Phát triển con người 2007-2008, Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu*.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Bạch Tuyết - NCS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
Email: ntbtyet@gmail.com